

Số: ~~1573~~ /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 18 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội
theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020
của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Định Quán**



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Trên cơ sở Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Trên cơ sở Văn bản số 5406/UBND-KGVX ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Định Quán tại Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc đề nghị hỗ trợ kinh phí cho đối tượng bảo trợ xã hội bị ảnh hưởng do đại dịch Covid-19 theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 142/TTr-LĐTBXH ngày 18 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Định Quán gồm 7.156 đối tượng và tổng kinh phí hỗ trợ là 10.614.200.000 đồng (mười tỷ, sáu trăm mười bốn triệu, hai trăm ngàn đồng chẵn); cụ thể:

1. Có 7.022 người được hỗ trợ 03 tháng (500.000 đồng/người/tháng), với số tiền là 10.533.000.000 đồng.

2. Có 49 người chết trong tháng 4 năm 2020: Hỗ trợ 01 tháng (500.000 đồng/người/tháng), với số tiền là 24.500.000 đồng.

3. Có 15 người chết trong tháng 5 năm 2020: Hỗ trợ 02 tháng (500.000 đồng/người/tháng), với số tiền là 15.000.000 đồng.

4. Có 03 trường hợp hết điều kiện hưởng tháng 5 năm 2020: Hỗ trợ 01 tháng (500.000đồng/người/tháng), số tiền: 1.500.000 đồng.

5. Có 67 người là đối tượng bảo trợ xã hội bán vé số: Đã được chi hỗ trợ 900.000 đồng từ Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai, tiếp tục chi hỗ trợ bổ sung 600.000 đồng/người, số tiền là 40.200.000 đồng.

6. Kinh phí thực hiện: Sử dụng từ nguồn ngân sách huyện Định Quán (50% dự phòng ngân sách huyện năm 2020 và nguồn cải cách tiền lương còn dư ngân sách huyện).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND huyện Định Quán chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hợp đồng với Bưu điện cùng cấp chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bưu điện tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Định Quán và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hòa Hiệp

DANH SÁCH

ĐỔI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG
ĐƯỢC HỖ TRỢ DO ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH COVID 19 TẠI HUYỆN ĐỊNH QUÁN
(Đính kèm Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đổi tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1	Kiều Thị Hương Lan				Bến Nôm 2	Phú Cường	TE từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có NNND	450,000 đ	1.500.000	
2	Kiều Tuấn Anh	9/4/2007			Bến Nôm 2	Phú Cường	TE từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có NNND	450,000 đ	1.500.000	
3	Phan Ngọc Bảo Nghi		4/28/2008		Thống Nhất	Phú Cường	TE từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có NNND	450,000 đ	1.500.000	
4	Ngô Thị Còn		1/1/1964		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người đơn thân nghèo đang nuôi 01 con	300,000 đ	1.500.000	
5	Nguyễn Thị Hồng Vương		1/1/1971		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người đơn thân nghèo đang nuôi 01 con	300,000 đ	1.500.000	
6	Nguyễn Thị Xuân	1/1/1996			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người đơn thân nghèo đang nuôi 01 con	300,000 đ	1.500.000	
7	Kiều Thị Hằng		1/1/1992		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 02 con trở lên	600,000 đ	1.500.000	
8	Lê Thị Nhân		1/1/1974		Thống Nhất	Phú Cường	Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 02 con trở lên	600,000 đ	1.500.000	
9	Nguyễn Thị Kim Đôn		11/7/1945		1318/E tổ 3 Ấ	Phú Cường	NCT cô đơn thuộc HIN từ đủ 60- 80 tuổi	450,000 đ	1.500.000	
10	Vũ Thị Hoa		8/12/1953		1367E Ấp Ph	Phú Cường	NCT cô đơn thuộc HIN từ đủ 60- 80 tuổi	450,000 đ	1.500.000	
11	Nguyễn Thị Nhân		1/1/1939		Phú Tâm	Phú Cường	Người CT cô đơn thuộc HIN từ đủ 80 tuổi trở lên	600,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
12	Bùi Thị Huệ		1/1/1938		Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
13	Bùi Thị Kính		1/1/1928		Phú Dông	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
14	Bùi Thị Thâm		1/1/1930		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
15	Bùi Thị Xinh		1/1/1930		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
16	Bùi Văn Hiếu	1/1/1935			Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
17	Bùi Văn Minh	1/1/1938			Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
18	Bùi Văn Phước	1/1/1930			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
19	Cao Văn Hằng	1/1/1930			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
20	Châu Văn Ến	1/1/1940			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
21	Đặng Thành Dung	4/6/1939			Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
22	Đặng Thị Diệp		1/1/1936		Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
23	Đặng Thị Nền		1/1/1940		Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
24	Đặng Thị Tuất		1/1/1930		Áp Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
25	Đặng Văn Đức	1/1/1933			1942/G Bến	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
26	Đào Thị Hương		1/1/1932		Áp Bến Nôm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
27	Diệp Thị Mai		01/01/40		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
28	Diệp Văn Mạnh	01/01/31			Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
29	Đỗ Văn Giới	07/08/39			Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
30	Đoàn Thị Tăng		02/10/39		Phú Dòng	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
31	Dương Văn Châu	01/01/33			107/a Tam B	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
32	Dương Văn Dung	01/01/29			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
33	Hà Thị Ích		10/09/35		Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
34	Hà Văn Khôn		01/01/29		Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
35	Hồ Thị Mến		01/01/36		Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
36	Hồ Văn Đức	01/01/27			Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
37	Hoàng Thị Đào		01/01/35		1614 Phú Dò	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
38	Hứa Văn Na	01/01/40			Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
39	Huỳnh Thị Cây		01/01/36		Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
40	Huỳnh Thị Ga		01/01/36		Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
41	Huỳnh Thị Giúp		01/01/37		Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
42	Huỳnh Thị Hiệp		05/05/38		Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
43	Huỳnh Thị Ích		01/01/36		Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
44	Huỳnh Thị Niêm		01/01/25		Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
45	Huỳnh Thị Trang		01/01/40		Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
46	Huỳnh Văn Chiêu	01/01/30			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
47	Huỳnh Văn Hồ		01/01/35		Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
48	Huỳnh Văn Niêm	08/09/39			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
49	Huỳnh Văn Phúc	01/01/31			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
50	Kiều Văn Khoái	01/01/33			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
51	Lại Thị Na		01/01/33		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
52	Lâm Thành Thảo	01/01/30			Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
53	Lê Hồng Biển	12/05/34			1383e Phú Tá Phú Cường	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
54	Lê Kim Phụng	01/01/27			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
55	Lê Minh Phụng	01/01/34			Áp Thống Nhì Phú Cường	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
56	Lê Quang Nhậm	08/06/39			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
57	Lê Thanh Nhân	09/02/37			Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
58	Lê Thị Đến		01/01/38		Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
59	Lê Thị Diễm		01/01/38		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
60	Lê Thị Đỏ		01/01/30		Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
61	Lê Thị Hạt		01/01/38		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
62	Lê Thị Hiền		01/01/39		Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	900,000đ hỗ trợ người bán vé số
63	Lê Thị Hồng		01/01/38		Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	600.000	
64	Lê Thị Khấn		02/27/37		Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
65	Lê Thị Kính		08/15/39		Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
66	Lê Thị Lệ		01/01/30		Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
67	Lê Thị Lo		06/10/36		Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
68	Lê Thị Lý		01/01/27		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
69	Lê Thị Ngọc Mai	06/07/37			Phú Dòng	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
70	Lê Thị Nhỏ		01/01/33		kdc 5 Bến Nôm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
71	Lê Thị Sơn		01/01/31		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
72	Lê Thị Thom		01/01/38		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
73	Lê Thị Thu		04/30/39		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
74	Lê Văn Chố	10/06/35			Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
75	Lê Văn Đực	01/01/34			Áp Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
76	Lê Văn Đùng	01/01/25			Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
77	Lê Văn Giáo	01/01/36			Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
78	Lê Văn Nảy	01/01/34			46a Áp Tam	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
79	Lê Văn Ngọc	01/01/28			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
80	Lê Văn Quan	01/01/32			1520/e Áp Ph	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
81	Lê Văn Sơn	01/01/34			529/2c Áp Ph	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
82	Lê Văn Thông	01/01/31			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
83	Lê Văn Tiến	02/15/40			Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
84	Lê Văn Ve	01/01/30			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
85	Lữ Thị Hoa		01/01/37		Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
86	Lữ Thị Lễn		01/01/40		Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đổi tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid- 19	
87	Lưu Thị Cam		01/01/34		Áp Bến Nôm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
88	Lưu Thị Diệu		01/01/27		Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
89	Mai Hữu Lợi	02/01/39			Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
90	Mai Thị Hà		01/01/30		Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
91	Ngô Đình Hải	01/01/40			Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
92	Ngô Minh Tâm	01/01/28			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
93	Ngô Ngọc Đoàn	01/01/32			Áp Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
94	Ngô Quang Hương	01/01/40			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
95	Ngô Thị gương		01/01/33		1470/E Phú T	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
96	Ngô Thị Lễ		01/01/39		Phú Dòng	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
97	Ngô Văn Ba	01/01/30			tổ 9 Áp Thôn	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
98	Nguyễn Ái Quốc	04/30/40			Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
99	Nguyễn Chí Tại	01/01/31			Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
100	Nguyễn Đăng Khôi	10/01/39			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
101	Nguyễn Đình Khuê	01/01/32			1619D Phú D	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
102	Nguyễn Hữu Lộc	09/12/39			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
103	Nguyễn Kim Thành		01/01/30		Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
104	Nguyễn Linh Biểu	04/20/33			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
105	Nguyễn Minh Châu	01/01/32			1951/G Áp B	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
106	Nguyễn Ngọc Lâm	06/01/36			Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
107	Nguyễn Ngọc Sơn	01/01/34			Áp Bến Nôm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
108	Nguyễn Thành Công	01/01/30			Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
109	Nguyễn Thành Lê	01/01/30			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
110	Nguyễn Thành Tài	01/01/30			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
111	Nguyễn Thị Bạch		01/01/40		Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
112	Nguyễn Thị Ban		01/01/33		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
113	Nguyễn Thị Ban	02/14/36			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
114	Nguyễn Thị Bi A		01/01/40		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
115	Nguyễn Thị Ca		01/01/35		636/5c Phú T	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
116	Nguyễn Thị Cây		01/01/29		Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đổi tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
117	Nguyễn Thị Chấm		01/01/30		Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
118	Nguyễn Thị Chính		01/01/38		Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
119	Nguyễn Thị Chon		01/01/32		Ấp Bến Nôm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
120	Nguyễn Thị Cù		02/10/39		Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
121	Nguyễn Thị Cung		01/01/30		Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
122	Nguyễn Thị Cừu		01/01/33		1225/E Phú T	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
123	Nguyễn Thị Đàm		01/01/34		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
124	Nguyễn Thị Đáng		01/01/32		tổ 4 Bến Nôm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
125	Nguyễn Thị Đánh		01/01/30		Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
126	Nguyễn Thị Đào		01/01/36		Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
127	Nguyễn Thị Dệt		01/01/26		Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
128	Nguyễn Thị Diễm		01/01/37		Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
129	Nguyễn Thị Đồng		01/01/40		Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
130	Nguyễn Thị Dư		01/01/31		Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
131	Nguyễn Thị Dưm		01/01/30		Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
132	Nguyễn Thị Hạch		01/01/30		Phú Dông	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	500.000	chết t4/2020
133	Nguyễn Thị Hiền		01/01/37		Phú Dông	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
134	Nguyễn Thị Hiếu		04/15/40		Phú Dông	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
135	Nguyễn Thị Hiếu		01/01/32		Áp Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
136	Nguyễn Thị Hoa		12/25/34		1961/g Bến N	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
137	Nguyễn Thị Hòa		06/06/38		Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
138	Nguyễn Thị Hoàng		01/01/40		Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
139	Nguyễn Thị Hôn		01/01/57		Áp 4	Suối Nho	NKT nặng là NCT	600,000 đ	1.500.000	
140	Nguyễn Thị Huệ		01/01/36		Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
141	Nguyễn Thị Hường		01/01/33		Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
142	Nguyễn Thị Hường		01/01/38		Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
143	Nguyễn Thị Hường		01/01/30		Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
144	Nguyễn Thị Khen		01/01/32		tổ 2 Áp Phú T	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
145	Nguyễn Thị Khiêm		01/01/38		Phú Dông	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
146	Nguyễn Thị Khiết	01/01/30			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid- 19	
147	Nguyễn Thị Kim		01/01/37		Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
148	Nguyễn Thị Kim Anh		01/01/40		Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
149	Nguyễn Thị Lai		01/01/35		Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
150	Nguyễn Thị Lành		04/18/34		301/b Phú Tả	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
151	Nguyễn Thị Lành		01/01/30		Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
152	Nguyễn Thị Lệ		01/01/20		Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
153	Nguyễn Thị Liêng		01/01/30		Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
154	Nguyễn Thị Linh		08/20/38		Phú Dòng	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
155	Nguyễn Thị Lợi		01/01/33		Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
156	Nguyễn Thị Lòng		01/01/38		Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
157	Nguyễn Thị Luật		01/01/30		Phú Dòng	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
158	Nguyễn Thị Luôn		01/01/40		Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
159	Nguyễn Thị Lý		01/01/35		Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
160	Nguyễn Thị Lý		01/01/40		Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
161	Nguyễn Thị Minh		01/01/36		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
162	Nguyễn Thị Mười		01/01/35		Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
163	Nguyễn Thị Ngân		01/01/30		Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
164	Nguyễn Thị Nghi		01/01/25		Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
165	Nguyễn Thị Nghĩa		01/01/26		Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
166	Nguyễn Thị Nghĩa		05/02/34		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
167	Nguyễn Thị Nghiệp		01/01/36		Phú Dòng	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
168	Nguyễn Thị Ngoan		01/01/24		Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
169	Nguyễn Thị Ngọc		01/01/35		531/2c Phú T	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
170	Nguyễn Thị Ngọc		01/01/40		Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
171	Nguyễn Thị Ngừ		01/01/36		Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
172	Nguyễn Thị Nguyễn		01/01/39		Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
173	Nguyễn Thị Nguyễn		11/02/34		1302e Phú tá	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
174	Nguyễn Thị Nhàn		06/05/34		Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
175	Nguyễn Thị Nhớ		01/01/16		Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
176	Nguyễn Thị Nhờ		01/01/35		215/a Tam B	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid- 19	
177	Nguyễn Thị Nhút		01/01/30		Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
178	Nguyễn Thị Niệm		01/01/39		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
179	Nguyễn Thị Niên		01/01/40		Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
180	Nguyễn Thị Ở		01/01/40		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
181	Nguyễn Thị Oanh		01/01/37		Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
182	Nguyễn Thị Phai		01/01/40		Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
183	Nguyễn Thị Phấn		12/19/37		Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
184	Nguyễn Thị Phi		01/01/36		Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
185	Nguyễn Thị Quới		04/10/35		1403/E Phú T	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
186	Nguyễn Thị Quy		01/01/36		Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
187	Nguyễn Thị Rở		01/01/35		Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
188	Nguyễn Thị Sâm		01/01/33		Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
189	Nguyễn Thị Sáng		01/01/34		1365e Ấp Ph	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
190	Nguyễn Thị Sứ		01/01/28		Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
191	Nguyễn Thị Suong		01/01/40		Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
192	Nguyễn Thị Tách		01/01/29		Phú Dông	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
193	Nguyễn Thị Tâm		12/14/40		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
194	Nguyễn Thị Tán		01/01/22		Phú Dông	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
195	Nguyễn Thị Tán		01/01/39		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
196	Nguyễn Thị Tên		01/01/37		Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
197	Nguyễn Thị Thai	01/01/36			Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
198	Nguyễn Thị Thanh		01/01/26		Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
199	Nguyễn Thị Thêm		01/01/38		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
200	Nguyễn Thị Thiếp	04/03/37			Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.000.000	chết t5/2020
201	Nguyễn Thị Thiết		08/15/33		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
202	Nguyễn Thị Thịnh	01/01/29			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
203	Nguyễn Thị Thông		01/01/37		Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
204	Nguyễn Thị Thương		01/01/24		Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
205	Nguyễn Thị Tòng		01/01/36		Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
206	Nguyễn Thị Tốt		01/01/40		Phú Dông	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
207	Nguyễn Thị Tư		01/01/31		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
208	Nguyễn Thị Tư		03/02/40		Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
209	Nguyễn Thị Tươi		01/01/32		1583/E Ấp Phú Cường	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
210	Nguyễn Thị Tuyết		01/01/35		Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
211	Nguyễn Thị Tuyết		10/03/39		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
212	Nguyễn Thị Ven		01/01/23		Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	500.000	chết t4/2020
213	Nguyễn Thị Vinh		01/01/31		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
214	Nguyễn Thị Vui	06/15/36			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
215	Nguyễn Văn An	01/01/30			Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
216	Nguyễn Văn Ân	04/04/40			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
217	Nguyễn Văn Bê	10/15/36			Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
218	Nguyễn Văn Càng	01/01/36			Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
219	Nguyễn Văn Chừ	01/01/32			Ấp Bến Nôm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
220	Nguyễn Văn Dành	01/01/36			Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	600.000	900,000đ hỗ trợ người bán vé số

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
221	Nguyễn Văn Đồng	08/16/34			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
222	Nguyễn Văn Giảng	04/10/40			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
223	Nguyễn Văn Giáo	02/18/36			Phú Dòng	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
224	Nguyễn Văn Hai	01/01/23			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
225	Nguyễn Văn Hộ	01/01/30			Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.000.000	chết t5/2020
226	Nguyễn Văn Hoa	01/01/35			Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
227	Nguyễn Văn Hoàng	01/01/33			kdc 1 Phú Dê	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
228	Nguyễn Văn Hơn	01/01/28			Áp Bến Nôm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
229	Nguyễn Văn Khoái	01/01/35			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
230	Nguyễn Văn Mạnh	01/01/30			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
231	Nguyễn Văn Năm	01/01/32			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
232	Nguyễn Văn Năng	01/01/34			202a Áp Tam	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
233	Nguyễn Văn Nghi	07/08/34			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
234	Nguyễn Văn Ngọc	01/01/37			Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
235	Nguyễn Văn Ninh	01/01/31			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid- 19	
236	Nguyễn Văn Nó	01/01/30			Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
237	Nguyễn Văn Ô	01/01/25			Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
238	Nguyễn Văn Ràng	01/01/31			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
239	Nguyễn Văn Sách	01/01/25			Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
240	Nguyễn Văn Sổ	10/20/36			Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
241	Nguyễn Văn Sóm	01/01/28			Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
242	Nguyễn Văn Sự	01/01/29			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
243	Nguyễn Văn Tây	01/01/28			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
244	Nguyễn Văn Thái	01/01/30			Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
245	Nguyễn Văn Thanh	02/28/39			Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
246	Nguyễn Văn Thành	01/01/30			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
247	Nguyễn Văn Thành	01/01/40			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
248	Nguyễn Văn Thành	01/01/32			1393/E Ấp P	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
249	Nguyễn Văn Thành	01/01/20			Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
250	Nguyễn Văn Thương	01/01/30			Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
251	Nguyễn Văn Thường	12/02/36			Bến Nôm I	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
252	Nguyễn Văn Trọng	02/10/36			Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
253	Nguyễn Văn Út	01/01/40			Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
254	Nguyễn Văn Út	01/01/21			Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
255	Nguyễn Văn Y	01/01/33			1439/E Phú T	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
256	Nguyễn Viết Mỹ	10/05/36			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
257	Nguyễn Vũ Huy	01/01/27			Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
258	Nguyễn Lào	01/01/27			Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
259	Phạm Thị Đông		01/01/40		Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
260	Phạm Thị Sáng		01/01/32		Áp Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
261	Phạm Thị Thuận		01/01/31		Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
262	Phạm Thị Tư		01/01/37		Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
263	Phạm Văn Ca		06/10/35		áp Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
264	Phạm Văn Đạt	01/01/37			Phú Dòng	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
265	Phạm Văn Hiếu	01/01/39			Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
266	Phạm Văn Nhi	01/01/27			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
267	Phạm Văn Nhung	05/10/33			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
268	Phạm Văn Thúc	01/01/39			Phú Dòng	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
269	Phạm Văn Vàng	01/01/34			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
270	Phạm Thanh Hùng	08/26/37			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
271	Phạm Thị Chánh		01/01/38		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
272	Phạm Thị Hóa		01/01/40		Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
273	Phạm Thị Kinh		01/01/10		Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
274	Phạm Thị Lành	01/01/40			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
275	Phạm Thị Mầu		01/01/28		Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
276	Phạm Văn Kiệm	01/01/31			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
277	Phạm Văn Mến	01/01/32			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
278	Quách Thị Ngó		01/01/40		Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
279	Quảng Thị Kim Vân		01/01/34		Ấp Bến Nôm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
280	Thái Thị Tron		01/01/34		83a Ấp Tam	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
281	Tổng Phước Hiệp	08/31/34			Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
282	Tổng Thị Kim		01/01/38		Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
283	Trần Kiều Tiên	01/01/30			Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
284	Trần Minh Kiên	01/01/36			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
285	Trần Năng Định	01/01/31			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
286	Trần Phước Huệ	01/01/37			Bến Nôm I	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
287	Trần Quang Thái	02/12/38			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
288	Trần Thanh Hùng	04/13/34			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
289	Trần Thị Canh		01/01/39		Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
290	Trần Thị Đoàn		01/01/29		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
291	Trần Thị Dục		01/01/33		1409/E Phú T	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
292	Trần Thị Dung		01/01/32		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
293	Trần Thị Giỡn		01/01/39		Bến Nôm I	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
294	Trần Thị Giọng		01/01/25		Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
295	Trần Thị Hoa		06/12/38		Phú Đông	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đổi tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
296	Trần Thị Khi		01/01/33		Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
297	Trần Thị Kim Anh	01/01/29			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
298	Trần Thị Kim Anh		01/01/38		Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
299	Trần Thị Lắm		01/01/31		Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
300	Trần Thị Miều	01/01/26			Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
301	Trần Thị Nhu		01/01/37		Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
302	Trần Thị Nít		01/01/31		Ấp Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
303	Trần Thị Sến		01/01/31		Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
304	Trần Thị Thái		06/02/39		Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
305	Trần Thị Vui		01/01/37		Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
306	Trần Văn Bảo	02/27/33			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
307	Trần Văn Càn	01/01/40			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
308	Trần Văn Giới	01/01/30			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
309	Trần Văn Hiền	01/01/40			Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
310	Trần Văn Hiệp	01/01/32			Ấp Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
311	Trần Văn Lợi	01/01/40			Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
312	Trần Văn Quỳnh	10/10/33			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
313	Trần Văn Rất	01/01/30			Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
314	Trần Văn Tiết	01/01/25			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
315	Trần Văn Trọng	01/01/28			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
316	Triệu Thị Điền		01/01/28		Áp Bến Nôm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
317	Trương Minh Trước	01/01/24			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
318	Trương Thị Diệu		01/01/40		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
319	Trương Thị Sa		01/01/33		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
320	Trương Thị Sậy		01/01/39		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
321	Trương Thị Thiết		01/01/39		Phú Dòng	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
322	Trương Văn Giới	01/01/30			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
323	Trương Văn Huyền	01/01/34			Áp Bến Nôm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
324	Trương Văn Thâu	04/23/38			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
325	Trương Văn Trang	01/01/34			693/6c Ấp Phú Cường	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
326	Văn Quang Minh	02/20/38			Phú Dông	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
327	Võ Thị Anh		01/01/35		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
328	Võ Thị Cừu		01/01/23		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
329	Võ Thị Danh		01/01/31		Áp Bến Nôm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
330	Võ Thị Na		01/01/30		Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
331	Võ Thị Thời		01/01/24		Phú Thọ	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
332	Võ Văn Luyện	01/01/28			Phú Tâm	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
333	Vũ Thị Hương		01/01/32		Thống Nhất	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
334	Vũ Trung	01/01/36			Tam Bung	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
335	Vũ Văn Liên	01/01/28			Phú Tân	Phú Cường	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300,000 đ	1.500.000	
336	Đặng Thị Yến Nhi		01/01/07		Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750,000 đ	1.500.000	
337	Hoàng Đăng	12/04/05			Phú Thọ	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750,000 đ	1.500.000	
338	Kiên Tú	02/17/15			Phú Thọ	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750,000 đ	1.500.000	
339	Lê Ngọc Thảo Nguyễn		06/22/08		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750,000 đ	1.500.000	
340	Lý Thành Danh	01/03/14			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
	341 Nguyễn Tấn Sang	05/12/06			Phú Thọ	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750,000 đ	1.500.000	
	342 Nguyễn Thị Hoàng Nhi		12/28/12		Phú Thọ	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750,000 đ	1.500.000	
	343 Nguyễn Thị Hồng Thơ		03/20/08		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750,000 đ	1.500.000	
	344 Phạm Hoàng Thiên Ý		06/26/15		ấp Phú Dông	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750,000 đ	1.500.000	
	345 Đặng Phi Gia Hát	01/01/89			Phú Thọ	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
	346 Đặng Thị Huỳnh Chi		05/21/97		1709/1 Phú D	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
	347 Danh Đức	01/12/98			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
	348 Đinh Trần Xuân Vĩnh	11/21/95			Phú Tâm	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
	349 Đỗ Văn Thiện	01/01/76			Phú Tâm	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
	350 Hoàng Minh Đức	07/25/82			ấp Bến Nôm	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
	351 Hồng Thị Hía		08/05/65		98/A tổ 4 Ấp	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
	352 Huỳnh Minh Nhi	03/08/98			Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
	353 Huỳnh Văn Hậu	01/01/93			Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
	354 Koc Quốc Cường	01/01/73			Phú Dông	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
	355 Lê Phước Thọ	02/24/87			Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
356	Lê Thị Bích Tuyền		05/15/03		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
357	Lê Thị Loan		05/17/70		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
358	Lê Thị Tuyết		01/01/88		Bến Nôm 2	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
359	Lê Thiên Thanh		10/11/97		Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
360	Lê Văn Hiệp	08/10/65			ấp Thống Nh	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
361	Lê Văn Sơn	01/01/72			615/4c Phú T	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	600.000	đã nhận 900,000đ hỗ trợ người bán vé số
362	Lôi Thị Tường Vi		01/01/96		Tam Bung	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
363	Lôi Trường Giang	06/29/99			Tam Bung	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
364	Lưu Quốc Thịnh	01/01/94			Phú Tâm	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
365	Lưu Thị Tuyết		01/01/61		Phú Dòng	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
366	Lý Hữu Thanh	01/01/90			Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
367	Ngô Văn Liên	11/23/72			Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
368	Nguyễn An Thuyền	01/01/01			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
369	Nguyễn Hoài An	08/23/00			Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
370	Nguyễn Hồng	01/01/64			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
371	Nguyễn Hùng Hiếu	01/01/88			1717 ấp Phú	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
372	Nguyễn Minh Đăng	03/29/82			Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
373	Nguyễn Minh Trọng	01/01/79			ấp Bến Nôm	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
374	Nguyễn Minh Trung	09/27/90			Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
375	Nguyễn Thị Kim Nga		01/01/63		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
376	Nguyễn Thị Lý		02/06/63		Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
377	Nguyễn Thị Ngọc		01/01/87		Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
378	Nguyễn Thị Ngọc Hòa		03/30/87		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
379	Nguyễn Thị Thanh Loan		08/13/75		99/A Tam Bu	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
380	Nguyễn Thị Thanh Tâm		07/12/91		Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
381	Nguyễn Trọng Tiến	09/06/89			1635/E ấp Ph	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
382	Nguyễn Trung Cảnh	07/22/93			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
383	Nguyễn Văn Chiến	01/01/69			ấp Bến Nôm	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
384	Nguyễn Văn Giang	01/01/92			Phú Thọ	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Ấp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
385	Nguyễn Văn Hùng		01/01/68		Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
386	Nguyễn Văn Quả	01/01/63			Phú Tâm	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
387	Nguyễn Văn Sơn	01/01/70			ấp Thống Nh	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
388	Nguyễn Xuân Tân	01/01/67			1973 Phú Dò	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
389	Phạm Phan Hoài	01/01/74			Phú Dòng	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
390	Phạm Thị Hương		09/19/82		Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
391	Phan Thị Bé		09/23/89		tổ 7 Bến Nôm	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
392	Trần Lê Hoàng Nghĩa	04/09/02			Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
393	Trần Thế Hiền	08/01/89			Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
394	Trần Thị Thủy	11/20/88			Bến Nôm 2	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
395	Trần Thị Thùy Dung		01/01/89		Phú Tâm	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
396	Trần Thị Vi		07/23/87		ấp Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
397	Trần Văn Có	03/26/95			1507/e Phú T	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
398	Trần Văn Tài	01/01/64			Phú Dòng	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
399	Trịnh Huệ Chi	07/05/60			Phú Thọ	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND, thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú		Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ		Áp, KP	Xã, TT		Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
400	Vũ Minh Sang	11/08/89			Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
401	Vũ Ngọc Chân	01/01/74			1432/E Phú T	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
402	Vũ Thị Liên		08/16/81		Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
403	Vũ Thị Ngọc Hạnh		03/28/82		Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600,000 đ	1.500.000	
404	Hồ Xuân Thành	01/01/57			ấp Bến Nôm	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
405	Hoàng Thị Hiền		01/01/59		Phú Thọ	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
406	Lê Thị My		01/01/36		1507/e Phú T	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
407	Lê Văn Mầu	01/01/37			Tam Bung	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
408	Lê Văn Thiện	04/05/50			ấp Tam Bung	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
409	Nguyễn Ngọc Tốt	08/19/52			Thống Nhất	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
410	Nguyễn Quang Trung	11/20/56			ấp Phú Tân	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
411	Nguyễn Tám	01/01/40			1526/e Phú T	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
412	Nguyễn Thị Đang		07/30/43		Phú Tâm	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
413	Nguyễn Thị Hiền		01/01/22		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	
414	Nguyễn Thị Huệ		01/01/41		Bến Nôm 1	Phú Cường	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	750,000 đ	1.500.000	